**Tiết: 41**

**BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ? (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cô giao.

- Trách nhiệm: Tự giác trong việc tự học, hoàn thành nhiệm vụ cô giao.

- Trung thực: Chia sẻ chân thật nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân

2. Năng lực chung:

**- Tự chủ và tự học:** Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

**- Giao tiếp và hợp tác:** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

3. Năng lực đặc thù:

**- Giao tiếp toán học:** Thực hiện các phép nhân, phép chia dựa vào các bảng nhân, chia đã học kết hợp với tính chất giao hoán của phép nhân.

**- Tư duy và lập luận toán học:** Vận dụng nhân nhẩm, chia nhẩm để tìm các thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia.

**- Giải quyết vấn đề toán học:** Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến phép nhân, phép chia.

\* Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 3; giáo án điện tử

**2. Học sinh:**

**-** Sách học sinh, vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Hoạt động mở đầu: Khởi động**  GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện”.  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu bài. | - HS 1: Nêu 1 phép tính nhân hoặc phép chia đã học và mời bạn trả lời.  - HS 2: Trả lời phép tính nhân, chia có kết quả đúng. 🡪 mời HS khác nêu 1 phép tính nhân hoặc phép chia đã học và mời bạn trả lời. |
| 25’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Luyện tập – thực hành**  ***Mục tiêu***: Thực hiện các phép nhân, phép chia dựa vào các bảng nhân, chia đã học kết hợp với tính chất giao hoán của phép nhân.  **Bài 1:**  - Yêu cầu HS đọc đề.  - Yêu cầu HS tính nhẩm cá nhân.  \* Lưu ý:  + Phép nhân, phép chia dựa vào các bảng nhân, chia đã học kết hợp với tính chất giao hoán của phép nhân.  + Kết quả phép chia ở câu b có thể dựa vào phép nhân tương ứng, không nhất thiết phải thuộc bảng chia.  **-** Yêu cầu HS trình bày trước lớp.  **Bài 2:**  - Yêu cầu HS đọc đề.  - GV hướng dẫn:  + Nêu tên gọi của thành phần chưa biết trong các phép tính.  **+** Việc tìm thành phần chưa biết có thể dựa vào quy tắc tìm thừa số, số bị chia, số chia và nhân, chia nhẩm hoặc dựa vào tính nhẩm.  Ví dụ: a. 3 x ? = 60  3 nhân với mấy chục thì bằng 6 chục?  - Yêu cầu HS tính nhẩm cá nhân.  **-** Yêu cầu HS trình bày trước lớp.  **Bài 3:**  - Yêu cầu HS đọc đề.  - GV hướng dẫn:  a) 1 đôi tất: 2 chiếc tất  10 đôi tất: ? chiếc tất  - Tìm 10 đôi tất có nghĩa là tìm 2 được lấy mấy lần?  - Nêu phép tính tìm số chiếc tất của 10 đôi tất?  b) 2 chiếc đũa: 1 đôi đũa  10 chiếc đũa: ? đôi đũa  → 10 chiếc đũa chia thành các nhóm, mỗi nhóm 2 chiếc đũa.  - Muốn tìm số đôi đũa của 10 chiếc đũa ta làm như thế nào?  -Yêu cầu HS làm bài vào vở.  **-** Yêu cầu HS trình bày trước lớp. | *-* HS nêu: Tính nhẩm  - HS tự nhẩm kết quả. a. 2 x 7 = 14 8 x 5 = 40  3 x 7 = 21 6 x 3 = 18  4 x 9 = 36 9 x 2 = 18  5 x 6 = 30 6 x 4 = 24  *b. 24 : 3 = 8 32 : 4 = 8*  24 : 4 = 6 20 : 2 = 10  16 : 2 = 8 45 : 5 = 9  25 : 5 = 5 0 : 3 = 0  - Lớp lắng nghe, nhận xét.  *-* HS nêu: Tìm số  - Thừa số, số bị chia, số chia.  3 × 2 chục bằng 6 chục   1. 3 × 20 = 60 2. 90 x 5 = 450 3. 1000 : 2 = 500 4. 4 : 1 = 4   - Lớp lắng nghe, nhận xét.  2 được lấy 10 lần.  2 × 10 = 20.  Ta lấy 10 chiếc đũa chia cho số chiếc đũa của 1 đôi.  10 : 2 = 5  a. 2 × 10 = 20.  Trả lời: 10 đôi tất có 20 chiếc tất.  b. 10 : 2 = 5  Trả lời: 10 chiếc đũa được 5 đôi đũa.  - Lớp lắng nghe, nhận xét. |
| 5’ | **3. Hoạt động củng cố nối tiếp**:  - GV tổ chức trò chơi “Ô số kì diệu” ôn lại bảng nhân chia đã học, quy tắc tìm số bị chia, số chia và thừa số.  - Dặn dò: Chuẩn bị tiết 2. | - HS chọn ô số bất kì và trả lời yêu cầu trong ô số, trả lời đúng sẽ được 1 phần quà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**